

THÔNG TƯ
Hướng dẫn chế độ tài chính đối với Cục Viễn thông

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 35/2011/QĐ-TTg ngày 27/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Viễn thông thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với Cục Viễn thông thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông như sau:

Điều 1. Quy định chung

1. Cục Viễn thông là cơ quan quản lý nhà nước, do đặc thù về tổ chức và hoạt động được áp dụng cơ chế tài chính như đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí hoạt động có tính đến các yếu tố về đầu tư, chi thường xuyên, lao động, tiền lương theo Quyết định số 35/2011/QĐ-TTg ngày 27/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Viễn thông thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

Việc thực hiện chế độ quản lý tài chính của Cục Viễn thông phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Chủ động trong sử dụng nguồn tài chính được giao theo nguyên tắc bảo đảm hiệu quả, tạo điều kiện đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Chủ động đầu tư phát triển nguồn nhân lực, sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức với số lượng, cơ cấu hợp lý, có trình độ chuyên môn cao.

d) Bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong tổ chức công việc, sử dụng lao động và các nguồn lực tài chính.

e) Thực hiện công khai, dân chủ theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức và người lao động.

2. Cục Viễn thông có trách nhiệm mở sổ kế toán và tổ chức hạch toán kế toán để theo dõi đầy đủ các nguồn thu phát sinh theo đúng chế độ nhà nước đã quy định; thực hiện nộp ngân sách nhà nước đầy đủ, kịp thời đối với các khoản phí, lệ phí phải nộp theo quy định.

3. Cục Viễn thông được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với lĩnh vực chuyên môn, khả năng của đơn vị theo đúng quy định của pháp luật. Cục Viễn thông được phép tham gia các hoạt động đấu thầu cung cấp dịch vụ theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật. Hoạt động dịch vụ phải được tổ chức hạch toán, bảo đảm có lãi, không lấy lãi của hoạt động do nhà nước giao bù lỗ cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ.

Điều 2. Nguồn tài chính

1. Nguồn phí, lệ phí quản lý viễn thông:

a) Nguồn thu từ phí, lệ phí của Cục Viễn thông (gọi tắt là phí, lệ phí hoạt động viễn thông) được để lại sử dụng phục vụ hoạt động của Cục Viễn thông theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a1) Thu từ phí cấp phép, phân bổ và sử dụng kho số mạng viễn thông quốc gia theo quy định tại Quyết định số 215/2000/QĐ-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động bưu chính viễn thông và Quyết định số 76/2006/QĐ-BTC ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 215/2000/QĐ-BTC ngày 29/12/2000.

a2) Thu từ lệ phí chứng nhận hợp chuẩn thiết bị viễn thông theo quy định tại Quyết định số 89/2004/QĐ-BTC ngày 22/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí quản lý chất lượng bưu điện và hoạt động bưu chính viễn thông.

a3) Thu từ phí kiểm định chất lượng theo quy định tại Quyết định số 89/2004/QĐ-BTC ngày 22/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí quản lý chất lượng bưu điện và hoạt động bưu chính viễn thông và Quyết định số 24/2007/QĐ-BTC ngày 11/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 89/2004/QĐ-BTC ngày 22/11/2004.

a4) Các nguồn phí, lệ phí viễn thông khác.

b) Nguồn thu phí, lệ phí hoạt động viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được điều tiết như sau:

b1) Phí cấp phép, phân bổ và sử dụng kho số mạng viễn thông quốc gia theo quy định tại Quyết định số 215/2000/QĐ-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động bưu chính viễn thông:

Cục Viễn thông được để lại 90% để phục vụ hoạt động của Cục Viễn thông và đầu tư phát triển sự nghiệp viễn thông; có trách nhiệm kê khai, nộp và quyết toán 10% số tiền phí, lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Quy định về tỷ lệ để lại chi từ nguồn thu phí nêu trên được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổ chức đánh giá khả năng thu, nhu cầu chi từ nguồn thu phí cấp phép, phân bổ và sử dụng kho số mạng viễn thông quốc gia để xác định tỷ lệ để lại chi cho giai đoạn tiếp theo, gửi về Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

b2) Lệ phí chứng nhận hợp chuẩn thiết bị viễn thông và Phí kiểm định chất lượng: thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 89/2004/QĐ-BTC ngày 22/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí quản lý chất lượng bưu điện và hoạt động bưu chính viễn thông.

b3) Các nguồn phí, lệ phí viễn thông khác (nếu có): thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Kinh phí không thường xuyên do ngân sách nhà nước cấp (nếu có), gồm:

a) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Nhà nước, cấp Bộ, các nhiệm vụ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia;

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đặt hàng (điều tra, quy hoạch, khảo sát, nhiệm vụ khác);

c) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;

d) Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định;

đ) Kinh phí thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức;

e) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung của Nhà nước;

f) Vốn đối ứng thực hiện các dự án được cấp có thẩm quyền giao;

3. Nguồn viện trợ của nước ngoài.

4. Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật.

5. Các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 3. Nội dung chi

1. Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên, bao gồm:

a) Chi trả các khoản tiền lương, tiền công, tiền thù lao, các khoản phụ cấp, cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo lương cấp bậc, chức vụ do nhà nước quy định; các khoản trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp và các khoản thanh toán cá nhân khác theo chế độ hiện hành của nhà nước;

b) Chi thuê dịch vụ bên ngoài phục vụ công việc quản lý và phát triển hoạt động sự nghiệp như: Thuê cơ sở vật chất, kỹ thuật, văn phòng làm việc, thuê khoán

chuyên môn đối với chuyên gia trong và ngoài nước, thuê tư vấn, thuê các dịch vụ tra cứu, dịch thuật, tìm kiếm và cung cấp thông tin, thuê đánh giá, giám định, thẩm định nội dung liên quan đến quản lý viễn thông;

c) Chi đào tạo cán bộ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho các Sở, doanh nghiệp viễn thông, chi cho các đơn vị trong và ngoài ngành khi phối hợp thực hiện về các nội dung quản lý viễn thông như: phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, công tác quản lý thuê bao, đối soát số liệu thuê bao, quản lý thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện;

d) Chi hội nghị, hội thảo, khảo sát trong nước và ngoài nước về chuyên môn, nghiệp vụ viễn thông; chi hợp tác quốc tế, đoàn ra, đoàn vào; chi đóng góp cho các tổ chức viễn thông quốc tế, chi phí tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về viễn thông; chi phí xây dựng và thực hiện đề tài, đề án thuộc nhiệm vụ nghiên cứu thường xuyên, đề tài cấp cơ sở, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ về viễn thông;

đ) Chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên tài sản, máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí, lệ phí; chi mua bảo hiểm tài sản;

e) Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu như văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, và các khoản chi khác như in ấn, mua tài liệu chuyên môn, in các biểu mẫu, chứng chỉ, giấy chứng nhận và các ấn phẩm khác;

f) Chi phí dịch vụ mua ngoài: Điện, nước, xăng dầu, an ninh, vệ sinh môi trường, thông tin liên lạc và các dịch vụ thuê ngoài khác (nếu có);

g) Chi phí thực hiện dịch vụ phục vụ việc giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện về cạnh tranh, tranh chấp trong hoạt động thiết lập mạng viễn thông và cung cấp các dịch vụ viễn thông, điều tiết thị trường dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật;

h) Chi cho các hoạt động dịch vụ liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ về viễn thông: Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, giám sát triển khai giấy phép viễn thông của các doanh nghiệp, chi cho việc kiểm tra thực hiện các quy định về quản lý giá cước viễn thông, quản lý khuyến mại, quản lý kho số, xác định hiệu quả sử dụng kho số viễn thông của doanh nghiệp; chi đánh giá chất lượng dịch vụ viễn thông, chất lượng kết nối viễn thông theo định kỳ và đột xuất;

i) Chi phí vật liệu, nhiên liệu, năng lượng sử dụng trong quá trình thực hiện công tác chuyên môn nghiệp vụ của Cục theo chức năng, nhiệm vụ được giao: chi phí đo kiểm, thẩm định phục vụ công tác kiểm định thiết bị viễn thông trên toàn quốc và các thiết bị chuyên ngành khác có liên quan.

j) Chi phí điều tra, thăm dò, khảo sát, phỏng vấn, thu thập, phân tích và đánh giá chất lượng dịch vụ, sử dụng chung hạ tầng bưu chính, viễn thông (bao gồm cả dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích theo quy định hiện hành của pháp luật);

k) Chi phí viễn thông phục vụ công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn, an ninh, quốc phòng;

l) Các khoản chi hành chính: Văn phòng phẩm, công tác phí, chi tiếp tân khánh tiết, hội nghị, chi quản lý hành chính khác;

m) Chi cho hoạt động của tổ chức Đảng và hoạt động đoàn thể tại đơn vị;

n) Các khoản chi khác theo chế độ quy định phục vụ hoạt động cấp phép và thu phí, lệ phí.

2. Chi cho các hoạt động dịch vụ, gồm:

a) Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, trích khấu hao TSCĐ, thực hiện theo quy định hiện hành;

b) Các khoản thuế phải nộp theo quy định của pháp luật;

c) Chi thuê, sửa chữa TSCĐ; chi mua nguyên, nhiên, vật liệu, lao vụ mua ngoài; chi trả lãi tiền vay (nếu có); các khoản chi khác, theo chứng từ chi thực tế đảm bảo hạch toán bù đắp chi phí và có lãi.

3. Chi từ nguồn kinh phí không thường xuyên do ngân sách nhà nước cấp (nếu có):

Đơn vị thực hiện chế độ chi tiêu theo quy định hiện hành đối với từng nhiệm vụ chi không thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền giao (kinh phí không giao tự chủ).

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi:

1. Đối với các nội dung chi quản lý, chi nghiệp vụ thường xuyên đã có chế độ tiêu chuẩn, định mức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định; trừ các tiêu chuẩn, định mức, nội dung chi được quy định tại khoản 3 Điều này; Thủ trưởng đơn vị được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và phải được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Đối với các nội dung chi mang tính đặc thù hoặc các nội dung chi chưa được cơ quan có thẩm quyền quy định, đơn vị xây dựng định mức và chế độ chi tiêu trong Quy chế chi tiêu nội bộ để đảm bảo hoạt động thường xuyên phù hợp với đặc điểm của công tác quản lý và phát triển sự nghiệp hoạt động viễn thông của cả hệ thống và bảo đảm nguyên tắc sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả. Quy chế chi tiêu nội bộ phải được Thủ trưởng đơn vị phê duyệt ban hành và gửi Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi. Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ phải bảo đảm có chứng từ, hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định, trừ những khoản theo quy định hiện hành cho phép thanh toán khoán.

3. Các tiêu chuẩn, định mức và chế độ chi tuân thủ quy định của Nhà nước:

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

- b) Tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc;
- c) Tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động;
- d) Chế độ công tác phí nước ngoài;
- đ) Chế độ tiếp khách nước ngoài và tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế ở Việt Nam;
- e) Chế độ quản lý, sử dụng kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia;
- f) Chế độ sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;
- g) Chế độ chính sách thực hiện tinh giản biên chế (nếu có);
- h) Chế độ quản lý, sử dụng vốn đối ứng dự án, vốn viện trợ thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- i) Chế độ quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc mua sắm, sửa chữa lớn tài sản, trang thiết bị thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về đấu thầu.

Điều 5. Sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm và chi trả thu nhập tăng thêm:

1. Hàng năm sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi Cục Viễn thông được sử dụng để trích lập các quỹ và chi theo thứ tự như sau:

a) Trích tối thiểu 65% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Trường hợp do tăng hoặc giảm mức thu phí, lệ phí viễn thông; do thay đổi tỷ lệ phí, lệ phí được để lại chi dẫn đến số thu được để lại tăng hoặc giảm thì sẽ điều chỉnh mức trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp cho phù hợp.

b) Trả thu nhập tăng thêm cho người lao động sau khi đã thực hiện trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định tại điểm a khoản này. Tổng mức thu nhập tăng thêm trong năm cho người lao động thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của Cục Viễn thông. Mức chi trả thu nhập tăng thêm cụ thể cho từng người lao động do Cục trưởng Cục Viễn thông xem xét quyết định sau khi đã thống nhất với tổ chức công đoàn theo nguyên tắc người nào có năng suất lao động, chất lượng công việc cao hơn sẽ được trả thu nhập tăng thêm cao hơn.

c) Trích lập Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập. Đối với 2 Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi mức trích tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện trong năm. Mức trích lập các quỹ do Cục trưởng Cục Viễn thông quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị theo quy định.

2. Tạm chi trước thu nhập tăng thêm: Căn cứ kết quả hoạt động tài chính quý, năm của đơn vị, nhằm động viên kịp thời người lao động phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, Cục trưởng Cục Viễn thông có thể tạm chi thu nhập tăng thêm cho người lao động trong đơn vị. Mức tạm chi trước hàng quý tối đa không quá 60% số chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại sau khi trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định, do đơn vị xác định được theo quý.

Kết thúc năm, trước ngày 31/01 năm sau, Cục Viễn thông tự xác định số chênh lệch thu lớn hơn chi và kinh phí chi thu nhập tăng thêm của năm trước theo quy chế chi tiêu nội bộ để thanh toán thu nhập tăng thêm cho người lao động.

Sau khi được Bộ Thông tin và truyền thông phê duyệt quyết toán tài chính năm: Trường hợp số chênh lệch thu - chi thực tế lớn hơn số Cục Viễn thông tự xác định và kinh phí được phép chi thu nhập tăng thêm cao hơn số đơn vị đã chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động, đơn vị được tiếp tục chi trả thu nhập tăng thêm theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Trường hợp số chênh lệch thu chi thực tế thấp hơn số Cục Viễn thông tự xác định và kinh phí đã chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động lớn hơn số kinh phí được chi trả thu nhập tăng thêm thì số chi vượt đơn vị phải sử dụng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập (nếu có) để bù đắp; trường hợp sau khi dùng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để bù đắp vẫn còn thiếu thì trừ vào số được chi trả thu nhập tăng thêm của năm sau.

Điều 6. Sử dụng các Quỹ

1. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp:

a) Nội dung chi: Chi phát triển nâng cao hoạt động sự nghiệp, bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trụ sở làm việc; mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ; chi cho công tác thiết lập, quản lý, tổ chức khai thác mạng lưới, các cơ sở dữ liệu và thông tin về viễn thông; chi phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực hoạt động của đơn vị và của cả hệ thống quản lý, hỗ trợ việc triển khai nhiệm vụ của đơn vị (các phòng máy chủ, các trung tâm lưu trữ và quản lý, phân tích dữ liệu, các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin); Chi hỗ trợ phát triển mạng và dịch vụ viễn thông trên phạm vi toàn quốc; chi đào tạo cơ bản và đào tạo nâng cao nhằm phát triển nguồn nhân lực cho đơn vị và toàn hệ thống;

b) Việc sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp do Cục trưởng Cục Viễn thông quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Trường hợp sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư phát triển thì phải phù hợp với quy hoạch phát triển ngành đã được Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt.

2. Quỹ dự phòng ổn định thu nhập:

a) Nội dung chi: Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để bảo đảm thu nhập cho người lao động và thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của nhà nước.

b) Việc sử dụng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập do Cục trưởng Cục Viễn thông quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Mức chi để đảm bảo thu nhập cho từng người lao động do Cục trưởng Cục Viễn thông xem xét quyết định sau khi đã thống nhất với tổ chức công đoàn theo nguyên tắc như quy định đối với việc chi trả thu nhập tăng thêm trên cơ sở đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Quỹ khen thưởng dùng để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do Cục trưởng quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

4. Quỹ phúc lợi dùng để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi, chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong Cục; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, chi thêm cho người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế. Cục trưởng Cục Viễn thông quyết định việc sử dụng quỹ theo quy chế định nội bộ của đơn vị.

Điều 7. Quản lý tài sản nhà nước

Cục Viễn thông thực hiện việc quản lý tài sản nhà nước theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Đối với tài sản cố định sử dụng vào hoạt động dịch vụ, thực hiện trích khấu hao theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp nhà nước. Số tiền trích khấu hao tài sản cố định, tiền thu từ việc các đơn vị khác sử dụng chung trụ sở thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước đơn vị được để lại để bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Điều 8. Mở tài khoản giao dịch

Cục Viễn thông thực hiện mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại để phản ánh các nội dung thu chi, cụ thể như sau:

1. Mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, phản ánh các khoản chi còn lại của Cục theo quy định (trừ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này).

2. Tài khoản tại Ngân hàng thương mại để:

a) Thu các khoản phí, lệ phí hoạt động viễn thông đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng.

b) Chi một số khoản chi đặc thù, gồm: Chi hoàn trả các khoản đã thu cho khách hàng (nếu có); chi trả phí dịch vụ uỷ thác, thu hộ, đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế; chi đoàn đi công tác nước ngoài; các khoản chi trả bằng ngoại tệ để thực hiện các dự án mua sắm trang thiết bị chuyên dùng và các dự án đầu tư, xây dựng có các hạng mục chi mua sắm trang thiết bị phải nhập khẩu ở nước ngoài, chi sửa chữa, bảo dưỡng đối với các trang thiết bị chuyên dùng phải mang ra nước ngoài sửa chữa, bảo dưỡng; chi mua hoặc thuê cơ sở làm việc, thuê khoán chuyên môn ở nước ngoài cho các đại diện của đơn vị ở nước ngoài (nếu có); chi nghiệp

vụ, tài liệu đặc thù khác trong công tác chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Đối với các khoản thu, chi trên tài khoản mở tại Ngân hàng thương mại, định kỳ hàng quý, Cục Viễn thông lập bảng kê thu, chi phát sinh trong kỳ gửi cho Kho bạc Nhà nước nơi Cục mở tài khoản giao dịch để theo dõi. Cục Viễn thông quyết định số dư cần thiết để đảm bảo hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của Cục theo các nội dung được phép chi tại Ngân hàng thương mại; số tiền phí và lệ phí còn lại (sau khi đã trừ đi số chi nêu trên và số dư cần thiết trên tài khoản mở tại ngân hàng thương mại), Cục Viễn thông có trách nhiệm làm thủ tục chuyển vào tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước để Kho bạc nhà nước theo dõi và kiểm soát chi cho các hoạt động khác của Cục theo đúng quy định hiện hành.

c) Cục Viễn thông có trách nhiệm:

c1) Kiểm soát chi đối với các khoản chi từ tài khoản tiền gửi mở tại ngân hàng thương mại đảm bảo các khoản chi theo đúng chế độ quy định. Kho bạc Nhà nước không chịu trách nhiệm kiểm soát chi đối với các khoản chi này.

c2) Thực hiện kê khai, nộp và quyết toán số tiền phí, lệ phí thu được (phần phí, lệ phí phải nộp ngân sách nhà nước) theo đúng quy định hiện hành.

Điều 9. Lập dự toán, giao dự toán

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ được giao và hướng dẫn của cơ quan tài chính, Cục Viễn thông lập dự toán thu, chi tài chính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp vào dự toán thu, chi của Bộ Thông tin và Truyền thông và gửi Bộ Tài chính theo quy định. Căn cứ dự toán thu, chi được cấp có thẩm quyền giao; sau khi có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông ra quyết định giao dự toán thu, chi cho Cục Viễn thông.

Điều 10. Báo cáo tài chính, kiểm tra và công khai tài chính

1. Lập báo cáo tài chính

Hàng năm Cục Viễn thông có trách nhiệm lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành và gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán của Bộ Thông tin và Truyền thông gửi Bộ Tài chính.

Cục trưởng Cục Viễn thông chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính trung thực của báo cáo.

2. Kiểm tra và xét duyệt báo cáo tài chính

a) Hàng quý, hàng năm, Cục Viễn thông chịu trách nhiệm kiểm tra kế toán, kiểm tra báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc Cục;

b) Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức xét duyệt và thông báo xét duyệt quyết toán cho Cục Viễn thông.

3. Công khai báo cáo tài chính

Căn cứ vào báo cáo tài chính hàng năm đã được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt, Cục Viễn thông thực hiện thông báo công khai trước hội nghị cán bộ công chức và người lao động của Cục.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2012 và áp dụng cho năm tài chính 2012.

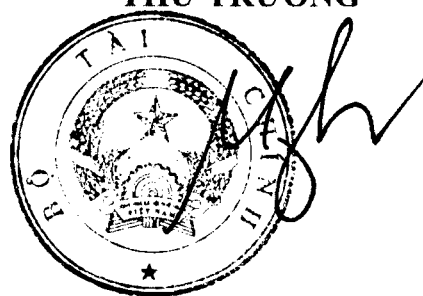
2. Quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 2 Thông tư này về chế độ quản lý và sử dụng phí sử dụng kho số viễn thông thay thế quy định tại Điều 1, Quyết định số 76/2006/QĐ-BTC ngày 29/12/2006 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 215/2000/QĐ-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động bưu chính viễn thông đối với Danh mục phí, lệ phí số 19: “Phí cấp phép, phân bổ và sử dụng kho số mạng viễn thông quốc gia” tại Biểu mức thu phí, lệ phí cấp giấy phép hoạt động bưu chính viễn thông ban hành kèm theo Quyết định số 215/2000/QĐ-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Những nội dung khác về chế độ quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý viễn thông tại các Quyết định nêu trên vẫn có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận: *Handwritten signature*

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Minh